



BẢN TIN ISG

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Lưu hành nội bộ - Quý 2/2010

TRONG SỐ NÀY

Những vấn đề quan tâm khi xây dựng nông thôn mới

(Trang 1-2)

Thực trạng và các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn mới

(trang 3-4)

Dự án khoa học công nghệ nông nghiệp - hiệu quả bước đầu của phương thức triển khai mới

(trang 5)

Tăng cường năng lực cán bộ thông tin địa phương từ dự án "hệ thống thông tin khuyến nông và thị trường"

(trang 6)

Xây dựng thí điểm nông thôn mới kết quả 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2010

(trang 7)

Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía bắc (nmp-2)

(trang 7)

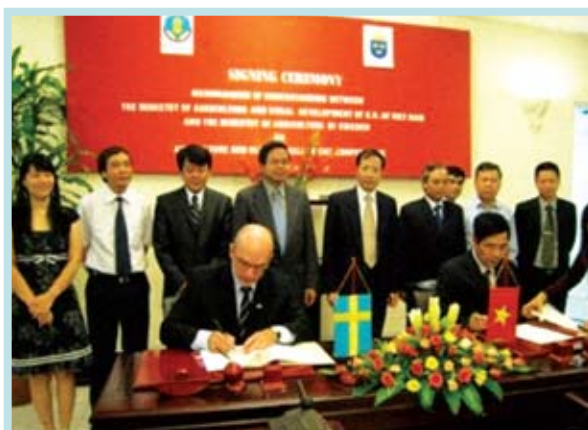
Danh mục các văn bản pháp quy ban hành liên quan đến ngành NN&PTNT

(trang 8)

THUY ĐIỂN - VIỆT NAM TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Ngày 2 tháng 6 năm 2010 tại Hà Nội, thay mặt Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp Thủy Điển, Đại sứ Thủy Điển tại Việt Nam Rolf Bergman và Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát đã kí Biên bản Ghi nhớ cam kết tăng cường hợp tác đối tác trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

Biên bản ghi nhớ khẳng định các bên sẽ tiếp tục tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm trong các lĩnh vực ưu tiên có liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn. Những lĩnh vực đó bao gồm hợp tác giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; vệ sinh và an toàn thực phẩm; chăm sóc thú y; phát triển giống mới; quản lý lâm nghiệp và nghiên cứu. Phát biểu tại lễ ký, Đại Sứ Rolf Bergman nhấn mạnh Biên bản Ghi nhớ là bước tiếp quan trọng hướng tới phương thức hợp



tác mới giữa các đối tác Thủy Điển và Việt Nam. Ông cho biết: "Tôi rất vinh dự được tham gia kí Biên bản Ghi nhớ này và góp phần tiếp nối quan hệ lâu dài của hai nước chúng ta sang một hình thức hợp tác mới. Chúng ta đang chuyển hướng mối quan hệ giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận tài trợ sang một mối quan hệ mới giữa các đối tác bình đẳng."

(Nguồn ICD - MARD)

NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TÂM KHI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Hồ Xuân Hùng - Thứ trưởng Bộ NN- PTNT



Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 BCHTW khoá X về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn được ban hành ngày 5/8/2008. Sau 20 năm đổi mới, đây là lần đầu tiên Đảng ta có một nghị quyết toàn diện nhất về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập.

Kết quả hơn một năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW đã được Chính phủ đánh giá nghiêm túc tại Hội nghị Chính phủ tháng 10/2009 (Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 11/11/2009). Trong bài viết này, tôi không đề cập lại những kết luận đó, mà chỉ tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề xung quanh quan niệm,

nội dung và biện pháp tổ chức thực hiện và xây dựng nông thôn mới - một Chương trình mục tiêu Quốc gia đến 2020, tầm nhìn 2030.

(Xem tiếp trang 2)

Hiểu đúng về nông thôn mới

Trước hết cần thống nhất nhận thức về nội dung chức năng nông thôn mới XHCN Việt Nam. Vậy nông thôn mới là gì? Trong Nghị quyết số 26-NQ/TW đưa ra mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”;

Như vậy, nông thôn mới trước tiên nó phải là nông thôn, không phải là thị tứ, thị trấn, thị xã, thành phố và khác với nông thôn truyền thống hiện nay, có thể khái quát gọn theo năm nội dung cơ bản sau: (i) làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; (ii) sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hoá; (iii) đời sống về vật chất và tinh thần của dân nông thôn ngày càng được nâng cao; (iv) bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát triển; (v) xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ. Thực tế hiện nay trong quá trình chỉ đạo 11 xã điểm triển khai xây dựng nông thôn mới ở nước ta đang gặp phải 3 khó khăn lớn nhất: Đầu tiên là tăng nhanh, bền vững thu nhập cho nông dân, mục tiêu đến 2020 thu nhập tăng gấp 2,5 lần hiện nay. Khó khăn tiếp theo là xây dựng hạ tầng nông thôn hiện đại, trong điều kiện thực tế hạ tầng nông thôn quá lạc hậu nhất là miền núi, vùng ĐBSCL, trong khi nguồn vốn đầu tư của Chính phủ rất hạn chế. Cuối cùng là vấn đề chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn, sao cho đến năm 2020 lao động nông nghiệp chiếm 30% lao động của xã hội (hiện nay gần 60%).

Chức năng nông thôn mới là gì? Trước hết nông thôn mới phải là nơi sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao theo hướng sản xuất hàng hoá. Bên cạnh đó nông thôn mới phải đảm nhận được vai trò giữ gìn văn hoá truyền thống dân tộc. Làng quê nông thôn Việt Nam khác lắm so với các nước xung quanh, ngay cả ở Việt Nam, làng quê dân tộc Thái khác với H'Mông, khác với Êđê, Bana, người Kinh... Nếu quá trình xây dựng nông thôn mới làm phá vỡ chức năng này là đi ngược lại với lòng dân và làm xoá nhòa truyền thống văn hoá muôn đời của người Việt.

Cuối cùng nông thôn mới phải giữ được môi trường sinh thái hài hoà. Tôi nghĩ rằng, đã đến lúc chúng ta phải lấy chức năng sinh thái làm thước đo cho sự hoàn thiện mô hình nông thôn mới ở Việt Nam.

Biện pháp triển khai, thực hiện

Trong đề án Chương trình mục tiêu Quốc gia về Nông thôn mới, Chính phủ quyết định 6 giải pháp chủ yếu để thực hiện 11 nội dung mà Chương trình mục tiêu Quốc gia đề ra nhằm đạt mục tiêu cụ thể từ nay đến 2015: 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và đến 2020: 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới mà Chính phủ đã ban hành). Ở đây, tôi xin nêu một số điểm cần lưu ý khi thực hiện các giải pháp để xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình tổ chức cuộc vận động xã hội về xây dựng nông thôn mới phải nhận thức được vị thế chủ thể của người nông dân (bao gồm cả vị thế chính trị, kinh tế). Đây là nhóm dân số đông nhất hiện nay ở nước ta nhưng hiện

tại đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế - văn hoá - tinh thần và nhìn chung là nhận thức thấp. Theo đó, nông thôn là khu vực rộng lớn nhất, đa dạng cư dân, đa dạng văn hoá truyền thống (kể cả tập tục lạc hậu) hạ tầng lạc hậu..., môi trường sinh thái đang bị huỷ hoại nghiêm trọng. Vì vậy, cần có cách tổ chức vận động phù hợp.

Quyết định lựa chọn một cách khoa học, sát thực tế với từng địa phương những nội dung, việc cần ưu tiên làm trước. Trong đó, kiên trì quy hoạch, bổ sung quy hoạch lại nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới và phải đi trước một bước. Từ quy hoạch tổng thể, phân khu chức năng đến quy hoạch chi tiết, tôn trọng quá trình tích lũy nhiều đời quy hoạch làng quê Việt Nam. Hạn chế tối đa gây xáo trộn, tốn kém gây tâm lý không tốt, không thiết thực khi làm quy hoạch, hoặc gây ảo tưởng trong dân. Việc đầu tư cần thiết về cơ sở hạ tầng trong quá trình xây dựng nông thôn mới chỉ thực hiện khi phê duyệt xong quy hoạch.

Kiên trì, lâu dài hỗ trợ nông dân về khoa học - kỹ thuật, đưa tiến bộ khoa học vào nông nghiệp, nông thôn. Nông dân và con cái họ chịu quá nhiều thiệt thòi về điều kiện tiếp nhận khoa học - kỹ thuật mới. Không đủ lực (kể cả tiền và trình độ học vấn) để ứng dụng khoa học - kỹ thuật. Phải đi từ thấp lên cao, đưa ứng dụng kỹ thuật mới phải thực tế. Khuyến nông là một giải pháp rất hữu hiệu ở nước ta và kinh nghiệm quốc tế.

Trong điều kiện ngân sách còn hạn chế thì đầu tư cho nông thôn phải huy động từ nhiều nguồn. Hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng (hiện nay Chính phủ quyết định 7 hạng mục công trình “cứng”) Nhà nước đầu tư 100%, tạo sự thay đổi bộ mặt nông thôn. Nhưng về lâu dài là chính sách thu hút sự đầu tư của doanh nghiệp về với nông thôn.

Chính sản phẩm nông nghiệp đang nâng vị thế quốc gia trên trường quốc tế về mặt kinh tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp đứng chân ở nông thôn quá ít, chính sách giảm phần rủi ro cho người nông dân trong sản xuất nông, lâm, thủy sản quá thiếu, doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này hiệu quả cũng thấp và thiếu ổn định, thường đầy rủi ro về người sản xuất.

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới chúng ta đang gặp phải 2 mâu thuẫn lớn: Một là, mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ với thị trường lớn; Hai là, mâu thuẫn giữa hiệu quả thấp với rủi ro cao. Cần được xử lý nhằm thu hút doanh nghiệp về nông thôn, đó là cách tốt nhất để huy động nguồn lực và là cầu nối Nông dân - Doanh nghiệp - Thị trường. Nếu sự phát triển sản xuất của cư dân nông thôn gắn kết với doanh nghiệp tại nông thôn, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp đó là cách tốt nhất không chỉ là huy động nguồn lực, mà còn là cách “dẫn dắt nông dân ra thị trường” khác phục được kiểu đưa thị trường về nông thôn - “thả nổi nông dân trong cơ chế thị trường”.

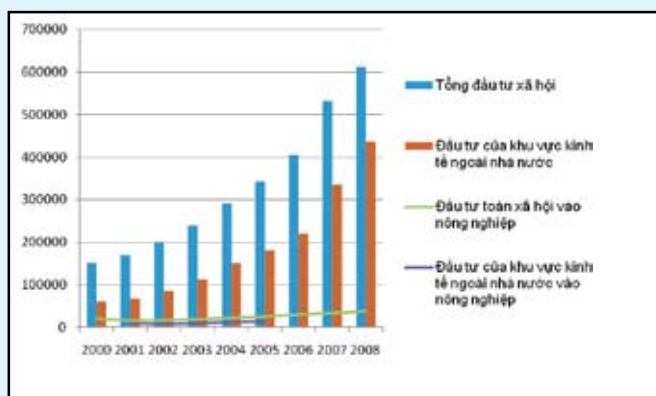
Xây dựng thành công chương trình nông thôn mới trên phạm vi cả nước là mục tiêu chiến lược, lâu dài của Đảng ta. Đến năm 2020, mục tiêu đặt ra là 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới. Vậy sau bao nhiêu năm nữa Việt Nam có 70 - 80 - 90 và 100% xã đạt chuẩn Quốc gia nông thôn mới? Đó là câu hỏi phải có lời đáp, là nhiệm vụ còn lâu dài không chỉ tầm nhìn đến 2030. Nhưng xã càng về sau càng khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện xã hội khác. Nhưng ngay cả việc đến 2015 có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới cũng là thách thức lớn. Đảng, Chính phủ cần có cơ chế, chính sách để huy động cả hệ thống chính trị tham gia, để người dân hiểu được và tự giác làm cho chính mình.

THỰC TRẠNG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Ts. Đặng Kim Sơn - Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược NN-NT

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng với tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh qua các năm và đầu tư của khu vực ngoài nhà nước chiếm vai trò chủ đạo và ngày càng quan trọng hơn. Song đầu tư cho nông nghiệp tăng với tốc độ chậm và tỷ trọng trong tổng đầu tư toàn xã hội năm 2008 chỉ còn 6% (đầu tư vào nông nghiệp 39 nghìn tỷ/đầu tư toàn xã hội hơn 600 nghìn tỷ) so với mức 14% năm 2000.

Hình 1: Vốn đầu tư thực hiện theo giá thực tế (tỷ đồng)

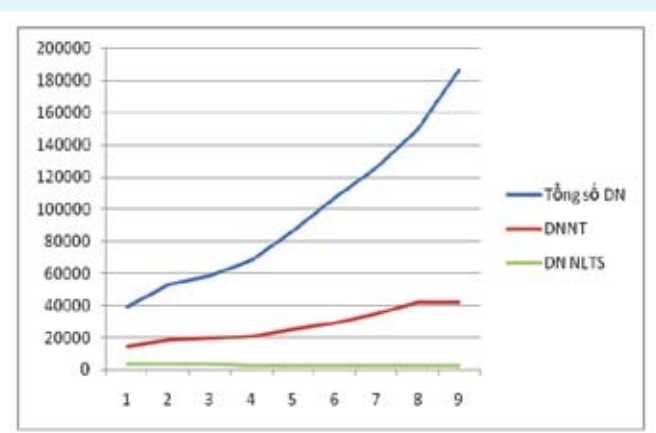


Nguồn: Niên giám Thống kê hàng năm, TCTK

Trung bình giai đoạn 2000-2008, đầu tư toàn xã hội vào nông nghiệp tăng chậm 3%/năm trong khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 20%.

Đầu tư của khu vực FDI vào nông nghiệp cũng tăng chậm (1,3 lần), đến năm 2007 chỉ đạt gần 4000 tỷ đồng, bằng 0,8% tổng đầu tư toàn xã hội, trong khi đầu tư của FDI vào công nghiệp năm 2007 đã đạt hơn 100 nghìn tỷ đồng, bằng 19,5% tổng đầu tư toàn xã hội.

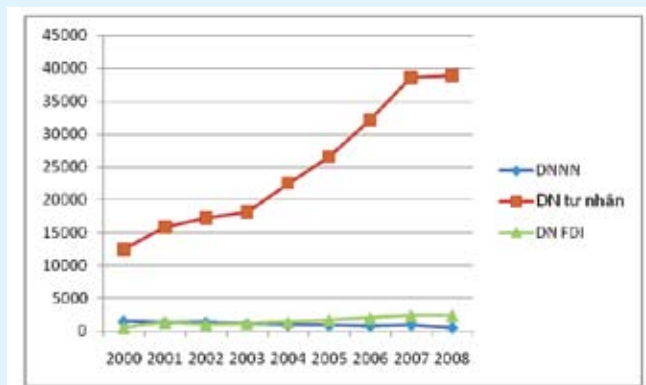
Hình 2: Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp (nông lâm thủy sản) so với tổng doanh nghiệp cả nước giai đoạn 2000-2008.



Nguồn: Tổng điều tra doanh nghiệp 2001-2009 của TCTK.

Đầu tư vào nông thôn phần lớn là do sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân, số doanh nghiệp nước ngoài tăng rất ít, doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm. Số liệu từ tổng

điều tra doanh nghiệp 2001-2009 của tổng cục thống kê như sau (Hình 3):

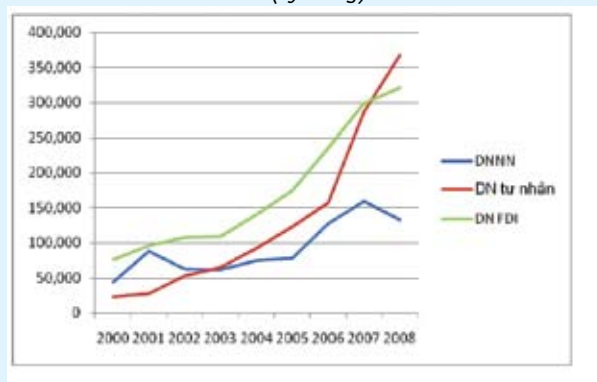


Giai đoạn 2000-2009 chứng kiến sự tăng lên mạnh mẽ về tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân vào khu vực nông thôn. Sự lớn mạnh này là do sự tăng lên quá nhanh của số lượng doanh nghiệp tư nhân mặc dù quy mô vốn rất nhỏ (bằng 4% và 7% qui mô vốn của doanh nghiệp nhà nước và FDI tại nông thôn. Đến 31/12/2008, tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân và FDI đều ở mức trên 300 nghìn tỉ trong khi doanh nghiệp nhà nước chưa bằng 50%..

Nguyên nhân của sự phát triển chậm chạp của DN trong nông thôn có nhiều, nhưng trước hết phải kể đến các yếu tố như:

- Hạ tầng cơ sở và dịch vụ kỹ thuật ở nông thôn yếu kém nhiều so với đô thị nhất là về giao thông, điện sản xuất và nước sạch.
- Hệ thống luật lệ chính sách và quy định thủ tục còn nhiều vướng mắc chưa thực sự hấp dẫn đầu tư về nông thôn, kể cả về đất đai, mặt bằng sản xuất.
- Lao động nông thôn tuy đông nhưng thiếu lực lượng có tay nghề cao, chất lượng tốt cả về khả năng quản lý và kỹ thuật
- Quy mô sản xuất nhỏ, manh mún ở qui mô hộ tiểu nông khó tạo thành các khu vực cung cấp nguyên liệu nông sản tập trung
- Các chính sách vĩ mô chưa thực sự tạo ra môi trường phát triển thuận lợi và ưu tiên phát triển cho doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn

Hình 4: Tổng vốn của DN chia theo thành phần kinh tế (tỷ đồng)



Nguồn: Tổng điều tra doanh nghiệp 2001-2009 của TCTK

CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ

Để tăng cường thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chính phủ đã có các chính sách mới, cụ thể:

1. Chính sách đối với đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn căn cứ vào (i) lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; (ii) địa bàn đầu tư khó khăn và đặc biệt khó khăn (theo nghị định 108/2006/NĐ-CP); và (iii) đầu tư trong khu công nghệ cao, khu kinh tế.

2. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong nông nghiệp

2.1. Ưu đãi về thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng

2.2. Ưu đãi về tín dụng: Theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, ngày 20/12/2006 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và Nghị định 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 sửa đổi, bổ sung. Mới đây, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị định quy định 8 lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm: chi phí sản xuất, phát triển

ngành nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chế biến, tiêu thụ, kinh doanh, dịch vụ, theo các chương trình kinh tế của Chính phủ và cho tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống nhân dân ở nông thôn;

2.3. Ưu đãi về sử dụng, cho thuê đất đai: theo Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

2.4. Các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác: Ngoài các văn bản pháp quy nêu trên, chính sách chung có liên quan đến lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn cũng tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích đầu tư. Các chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đã giúp cho hàng triệu nông dân tiếp cận với công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học... Chính sách thị trường với Quyết định số 80/2002/QĐ - TTg về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng đã mở ra hướng đi tích cực giúp cho sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, thu hút được nhiều doanh nghiệp và nông dân tham gia; tăng cường quan hệ giữa các doanh nghiệp với người sản xuất,

2.5. Chính sách trợ giúp phát

triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Ngày 30/6/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên các phương diện: tài chính; mặt bằng sản xuất; đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật; xúc tiến mở rộng thị trường; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công; thông tin và

2.6. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Ngày 04/06/2010 Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2010/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Theo Nghị định này, nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi và ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được hưởng các ưu đãi về đất đai và hỗ trợ đầu tư (hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề và chi phí quảng cáo doanh nghiệp, kinh phí dịch vụ tư vấn và nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm...) theo quy định. (Toàn văn trên http://www.agroviet.gov.vn/Lists/bonongnghiep_News/Attachments/11389/ND41CP.pdf)

TRIỂN VỌNG THU HÚT CÁC NHÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Sau một giai đoạn tăng trưởng khá nhanh nhờ khai thác sức lao động, huy động tài nguyên và vật tư, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt mới. Nông nghiệp Việt Nam sẽ không thể tiếp tục tăng trưởng nếu không mở rộng được xuất khẩu và cải thiện thị trường trong nước. Trái với xu hướng đầu tư nước ngoài tăng nhanh của kinh tế cả nước, đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hầu như không đáng kể.

Tại Diễn đàn kinh tế thế giới về Đông Á 2010 lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam tháng 6/2010, với một số phiên bản về chuyên đề "Tâm nhìn mới cho nông nghiệp" trong bối cảnh mấy năm vừa qua thế giới chứng kiến sự tăng giá đột biến của nhiều loại nông sản, nhất là lương thực khi quá

trình biến đổi khí hậu toàn cầu, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm giảm đi đáng kể nguồn đất, nước, lao động và các tài nguyên khác của sản xuất nông nghiệp.

Nhiều phiên họp diễn ra với sự thảo luận của các doanh nghiệp, các tập đoàn xuyên quốc gia kinh doanh và đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp với đại diện của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách của một số nước trong khu vực. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Cao Đức Phát tham gia với tư cách là đồng chủ tọa.

Tinh thần bao trùm là thái độ quyết tâm phối hợp hành động giữa các doanh nghiệp quốc tế và các nhà hoạch định chính sách.

Một đề xuất nhận được nhiều ý kiến ủng hộ là tạo lập một cơ chế đối thoại chính sách để trao đổi thông

tin nhằm xây dựng được khung chính sách phù hợp tạo ra động lực cho mọi thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển. Trên cơ sở đó, khuyến khích thử nghiệm các sáng kiến về đầu tư và kinh doanh nhằm gắn kết đồng đảo nông dân với thị trường, hình thành sự đồng bộ trong chuỗi giá trị hàng hóa, giảm thiểu chi phí giao dịch, nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa nông sản tạo thu nhập và việc làm cho cư dân nông thôn. Bộ trưởng Cao Đức Phát đã bàn với một số nhà đầu tư và kinh doanh là đối tác của ngành hàng tiêu dùng hình thành một nhóm làm việc để tiếp tục thảo luận và triển khai những hoạt động cụ thể. Đây sẽ là những bước đi thiết thực để đóng góp vào sáng kiến "Tâm nhìn mới cho nông nghiệp" của Diễn đàn Kinh tế Thế giới.

DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA PHƯƠNG THỨC TRIỂN KHAI MỚI

Ths. Nguyễn Thế Hình
Giám đốc dự án KHCNN



Với mục tiêu tăng cường năng lực của hệ thống Khoa học công nghệ nông nghiệp góp phần tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo trong khu vực nông thôn, dự án "Khoa học công nghệ Nông nghiệp" sẽ trợ giúp tăng cường nhân lực, vật lực cho các cơ sở nghiên cứu và đào tạo thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, đồng thời cải thiện mối liên kết yếu kém giữa nghiên cứu, khuyến nông và đào tạo.

Dự án triển khai ở 10 Viện nghiên cứu nông nghiệp; 10 Trường Cao đẳng và Trung cấp kỹ thuật và dạy nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và trên 5 tỉnh miền Trung của Việt Nam. Với tổng vốn đầu tư 40 triệu USD, trong đó nguồn vốn ODA là 30 triệu USD (vốn vay ADB), thực hiện từ 14/6/2007 đến 31/12/2011.

Thời gian gần 3 năm qua, dự án đã triển khai nhiều hoạt động từ (i) đào tạo cán bộ nghiên cứu ở trong và ngoài nước; (ii) nâng cấp thiết bị nghiên cứu và giảng dạy; (iii) Xây dựng chương trình đào tạo và cải tiến giáo trình; (iv) Dịch vụ khuyến nông cấp tỉnh hướng tới người nghèo và (v) Chương trình nghiên cứu hướng tới khách hàng.

Ở đây chúng tôi muốn bàn đến phương thức lựa chọn các đề tài nghiên cứu khoa học bằng cách đấu thầu cạnh tranh rộng rãi theo tiêu chí "nghiên cứu hướng đến khách hàng, phù hợp với thực tế và có khả năng ứng dụng ngay". Qua hai vòng lựa chọn, dự án đã trao thầu 125 đề

tài theo phương thức hợp đồng dịch vụ nghiên cứu khoa học định hướng thị trường.

Ở thời điểm này, tuy tác động của dự án còn chưa rõ nhưng có thể nhận thấy một số hoạt động thí điểm của dự án có thể đem lại tác động to lớn cho toàn ngành:

(i) Hoạt động thử nghiệm về trao thầu và thực hiện các đề tài nghiên cứu của dự án theo phương thức hướng tới khách hàng, chuyển từ hình thức thực hiện đề tài nghiên cứu theo dự toán được duyệt sang hình thức hợp đồng dịch vụ khoa học theo cơ chế thị trường. Việc thử nghiệm mô hình này nếu thành công sẽ mở ra hướng mới trong quản lý các đề tài khoa học, giúp cho các viện nghiên cứu tập trung nhiều hơn vào hiệu quả của các công trình nghiên cứu, giảm các thủ tục tài chính rườm rà phức tạp gây nản lòng các nhà nghiên cứu khoa học chân chính;

(ii) Hoạt động thử nghiệm về thực hiện đấu thầu các mô hình khuyến nông đã đem lại hiệu quả bước đầu rõ rệt. Các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến nông không còn phải máy móc thực hiện các hợp đồng khuyến nông theo dự toán được duyệt nữa, thay vào đó, các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến nông có quyền phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để tiết kiệm kinh phí theo hướng "lời ăn lỗ chịu" - lãi nhiều thì nộp thuế nhiều cho nhà nước và sử dụng để tái đầu tư, thưởng cho các cá nhân đã phát

huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và làm ăn hiệu quả, đây là tiền đề tốt để khuyến khích hệ thống cung cấp dịch vụ khuyến nông bao gồm cả nhà nước và tư nhân phát triển. Các Ban QLDA tỉnh không còn phải mất quá nhiều thời gian và nhân lực để rà soát các chứng từ chi tiết nữa, thay vào đó, bộ phận kỹ thuật chỉ cần tập trung vào nghiệm thu chất lượng, hiệu quả thực hiện. Cách thực hiện này cho phép một Ban QLDA tỉnh có thể trao thầu và quản lý hàng trăm hợp đồng khuyến nông hàng năm thay vì trước kia chỉ một vài hợp đồng khuyến nông một năm đã bị quá tải. Mô hình thử nghiệm này thành công sẽ mở ra hướng mới cho phép đa dạng các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến nông tại tỉnh, bao gồm cả việc thu hút các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng/dạy nghề tham gia vào cung cấp dịch vụ khuyến nông, chuyển giao trực tiếp khoa học kỹ thuật trong sản xuất xuống nông dân, hình thành mối liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu tại Trung ương và các hệ thống khuyến nông cơ sở.

Phương thức mới thành công, dự án sẽ đóng góp tư vấn chính sách để hoàn thiện cơ chế tài chính cho loại hình kinh doanh dịch vụ khoa học, phù hợp với định hướng phát triển các doanh nghiệp khoa học theo Nghị định 115 của Chính phủ.

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÁN BỘ THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG TỪ DỰ ÁN “HỆ THỐNG THÔNG TIN KHUYẾN NÔNG VÀ THỊ TRƯỜNG”

Trần Lâm Đường - Giám đốc dự án

Nghị định số 56/2005/NĐ-CP, ngày 26/4/2005 của Chính phủ về công tác khuyến nông, khuyến ngư đã đề cập tới việc tăng cường công tác thông tin khoa học công nghệ, thông tin thị trường, giá cả nông sản. Tiếp đó, ngày 03/6/2005, Thủ tướng Chính phủ ký văn bản số 688/TTg-QHQT, duyệt danh mục dự án vốn vay ADB thuộc Chương trình Hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp (ASDP), trong đó có tiểu dự án “Tăng cường công tác thông tin khuyến nông và thị trường ở 20 tỉnh và 100 huyện”, được coi là điều kiện tiên quyết để thực hiện chương trình này; Như vậy, lần đầu tiên Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo xây dựng hệ thống thông tin hai chiều tập trung vào hai lĩnh vực thông tin khuyến nông và thị trường nông sản dựa trên việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho nông dân, các nhà quản lý, nghiên cứu và các đối tượng quan tâm tại khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý Nhà nước và nghiên cứu khoa học.

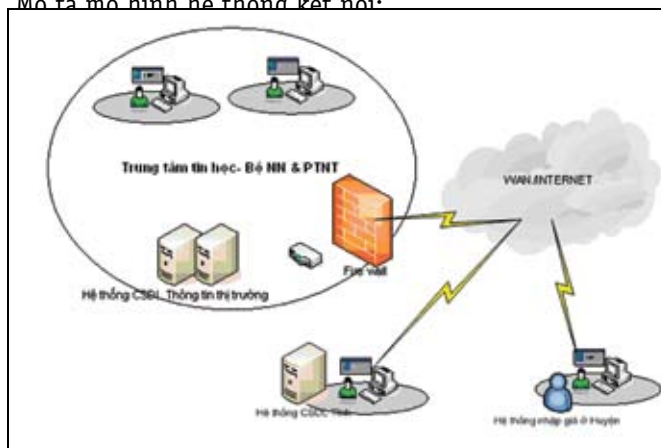
Triển khai bước đầu hệ thống thông tin hai chiều trên phạm vi 100 huyện của 20 tỉnh được lựa chọn đặc trưng, dưới sự điều phối và hỗ trợ kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT mà đại diện là Trung tâm Tin học và Thống kê đã hoạt động ổn định từ 2007. Kết quả của hệ thống đã được Bộ NN&PTNT và các nhóm đối tượng đánh giá cao trong việc hỗ trợ thông tin, đặc biệt là thông tin thị trường nông sản cho nông dân, doanh nghiệp và các nhà quản lý, cán bộ nghiên cứu khoa học trong tình hình ngành nông nghiệp đang chuyển dần sang cơ chế thị trường, người sản xuất chủ động trong cả lĩnh vực sản xuất sản phẩm đáp ứng thị trường và chủ động trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài những nhận định đánh giá trên, kết quả được các địa phương đánh giá cao là năng lực thông tin của cán bộ từ cấp huyện được nâng lên rõ rệt. Qua các lớp đào tạo và

việc hỗ trợ với nhiều hình thức của nhóm kỹ thuật Trung tâm Tin học, việc cập nhật thông tin bằng phần mềm dùng chung từ các huyện đã đi vào nền nếp với kỹ năng thành thạo của cán bộ khuyến nông huyện, hoặc các điểm thu tin.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu là sử dụng công nghệ mới và môi trường truyền Internet thông qua các dịch vụ như truyền thông tin bằng thông tốc độ cao bất đối xứng (ADSL).

Mô tả mô hình hệ thống kết nối:



Toàn bộ hệ thống được hoạt động với sự trợ giúp của một chương trình phần mềm dùng chung cho việc cập nhật nội dung thông tin, tìm kiếm, sửa chữa và lập báo cáo, bảng biểu tổng hợp cho các thông tin thị trường đã thu thập được từ địa phương (cấp huyện, cấp tỉnh) đến cấp trung ương (Trung tâm Tin học-Thống kê). Chương trình phần mềm còn cho phép tự động trao đổi thông tin giữa cơ sở dữ liệu các tỉnh thành và trung ương đảm bảo nhu cầu khai thác, chia sẻ các nguồn thông tin của mỗi tỉnh thành.

Cho đến nay toàn bộ hệ thống được cập nhật từ hơn 230 điểm thu thập thông tin của 20 tỉnh, tại 100 huyện, thành phố từ các chợ đầu mối, chợ bán buôn/lẻ, doanh nghiệp, đại lý, vựa thu mua nông sản và các trang trại. Thông tin của hệ thống được phổ biến trên trang web của hệ thống và cơ sở dữ liệu thị trường nông sản của Trung tâm tin học và thống kê.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nông nghiệp, trong điều kiện nông thôn luôn là khó khăn và thách thức lớn. Những thành công bước đầu của dự án “Hệ thống thông tin khuyến nông và thị trường” đã khẳng định vai trò của CNTT đối với phát triển nông nghiệp. Hệ thống thông tin nông nghiệp đã kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ, gắn kết các tác nhân để đạt hiệu quả cao hơn.

Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện và giới thiệu tài liệu: Sổ tay hướng dẫn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) vào lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và Thủy sản ở Việt Nam năm 2010

Tài liệu này giới thiệu và hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài các quy trình và chính sách đối với các Dự án đầu tư, giới thiệu tiềm năng đầu tư vào lĩnh vực Nông lâm thủy sản tại các địa phương.

Toàn văn tài liệu xem: <http://www.isgmard.org.vn/Information%20Service/news/news.asp>

XÂY DỰNG THÍ ĐIỂM NÔNG THÔN MỚI KẾT QUẢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2010.

Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương (BCĐTW), Thủ trưởng Bộ NN-PTNT Hồ Xuân Hùng đã thông báo kết quả 6 tháng đầu năm 2010 thực hiện xây dựng thí điểm nông thôn mới (NTM) ở 11 xã điểm tại hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và xác định kế hoạch 6 tháng cuối năm của Chương trình xây dựng thí điểm mô hình NTM tại Hà Nội ngày 28/6/2010.

Điển hình của bước đột phá trong xây dựng NTM là huy động các cơ quan khoa học kỹ thuật (KHKT), các doanh nghiệp trực tiếp tham gia phát triển sản xuất. Nguồn vốn để thực hiện chương trình thí điểm tuy đã đa dạng hơn, nhưng tính đến tháng 6/2010, số vốn thực hiện đạt gần 500 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách chiếm 66%, dân đóng góp 22%, còn lại doanh nghiệp khoảng 12%. Liên quan đến vấn đề nguồn vốn, Bộ trưởng Bộ NN-PTNT Cao Đức Phát khẳng định việc xây dựng NTM trong thời gian tới cần khắc phục tình trạng “nhiều Nhà nước, ít dân”.

Vấn đề đặt ra sau tình trạng về vốn là vấn đề quy hoạch nông thôn. Bộ trưởng Cao Đức Phát nhấn mạnh cần tránh tình trạng “nhiều xã, ít thôn”, chú trọng xây dựng các công trình, hạ tầng cơ sở tại trung tâm, trong khi đó chưa chú trọng đến các



công trình ở thôn, bản, ấp và các hộ gia đình. BCĐTW cũng rút ra kinh nghiệm sau 6 tháng thực hiện là phải thể hiện tính đặc thù gắn kết với quy hoạch, kế hoạch phát triển và đặc điểm từng địa phương.

Nhiệm vụ 6 tháng cuối 2010, BCĐTW đề ra 6 nhiệm vụ:

- Hoàn thành quy hoạch chi tiết, có hướng dẫn quản lý quy hoạch
- Phấn đấu đến cuối năm 2010 có 2/3 các công trình hạ tầng thiết yếu cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng
- Tập trung cao cho phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập. Xây dựng quan hệ sản xuất mới.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động VHXX và môi trường

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống chính trị

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của BCĐ các cấp

Đến tháng 6/2011, thời điểm kết thúc xây dựng mô hình NTM, các bộ/ngành cần rà soát, phân loại nguồn vốn để bố trí cho các xã điểm. Phát huy vai trò làm chủ của người dân, các địa phương tập trung nỗ lực thực hiện các nội dung của chương trình NTM.

(Nguồn: ISG - ICD/MARD)

DỰ ÁN GIẢM NGHÈO CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC (NMPRP-2)



Với định hướng ưu tiên hỗ trợ các khu vực dân tộc thiểu số nghèo nhất ở Việt Nam, Dự án Giảm nghèo Các tỉnh miền Núi phía Bắc giai đoạn hai được xây dựng dựa trên thành công của dự án thứ nhất nhằm tiếp

tục cải thiện mức sống cho những người nghèo trong vùng dự án thuộc 2.366 thôn, 230 xã, và 27 huyện của sáu tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên và Lai Châu. Dự án sẽ thực hiện mục tiêu này thông qua việc hỗ trợ cải thiện và đa dạng hóa các cơ hội sinh kế của người nghèo, giúp họ cơ hội tiếp cận tốt hơn thông qua cải thiện hạ tầng sản xuất, các ý tưởng kinh doanh sáng tạo, cải thiện năng suất nông nghiệp và tạo thêm cơ hội việc làm tại chỗ. Dự án cũng giúp xây dựng năng lực của chính quyền địa phương và cộng đồng để lập kế hoạch, quản lý và thực hiện các hoạt động cải thiện sinh kế tại địa phương. Tổng số vốn cho dự án này là 165 triệu đô la, trong đó 150 triệu đô la vốn vay từ IDA, và phần còn lại là từ nguồn vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

Lễ ký kết Hiệp định tài trợ cho Dự án đã diễn ra vào ngày 25 tháng 5 vừa qua. Theo kế hoạch, dự án sẽ có hiệu lực đi vào thực hiện từ tháng 8 năm 2010. Thời gian thực hiện dự án là 5 năm.

*Thông tin chi tiết liên hệ: Võ Thanh Sơn
Ban Phát triển Nông thôn - WB Việt Nam*

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY BAN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH NN&PTNT

Tháng 4/2010

Chính phủ

1. Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn
Bộ Nông nghiệp và PTNT

1. Thông tư số 22/2010/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”

2. Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/04/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/04/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu

4. Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật

Tháng 5/2010

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính: Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ

2. Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 34/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội khóa XII về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

Bộ Nông nghiệp và PTNT

1. Quyết định số 1288/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 05 năm 2010 Về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược ngành thủy sản

2. Thông tư số 29/2010/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành “Danh mục chỉ tiêu, mức giới hạn cho phép về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với một số sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu, sản xuất lưu thông trong nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

3. Thông tư số 30/2010/TT-BNNPTNT ngày 11/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”

4. Thông tư số 31/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y

Tháng 6/2010

Chính phủ

1. Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

2. Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học

3. Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

Thủ tướng

1. Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp đến năm 2020.

2. Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 Về việc Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020